

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/ KDTM- ST

Ngày: 13/9/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Chính;

Bà Vi Thị Kiều Chi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm– Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST- KDTM ngày 06/9/2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX- ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn số 14/2020/QĐST- KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số 02/2022/TB- TA ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần TV;

Địa chỉ: Đường L, phường L, quận Q, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần TV;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T- Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ;

Địa chỉ: Đường C, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Dương T - chuyên viên xử lý nợ (Có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền số 32640/2018/UQ- P.TGD ngày 16/8/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần TV)

Địa chỉ: Đường C, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N);

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Minh T- Giám đốc (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3. Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu căn hộ cao cấp H, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Dương T trình bày:

Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần TV- chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/18/0063/HDHM ngày 18/10/2018, cụ thể theo các khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ lần: 01/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 01 ngày 18/10/2018 với số tiền vay 376.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 24%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 18/10/2018, ngày đến hạn 18/01/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng;

Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 02 ngày 22/11/2018 với số tiền vay 125.350.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 22%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 22/11/2018, ngày đến hạn 22/01/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng;

Ngoài ra, ngày 18/10/2018 công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) còn ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với tổng hạn mức tín dụng thẻ của khách hàng là 30.000.000 đồng; thời hạn 60 tháng; lãi suất trong hạn 28%/năm.

Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Đỗ Thị Minh T theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL.01 ngày 18/10/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL ngày 18/10/2018;

Trong quá trình sử dụng vốn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần TV đã nhiều lần liên hệ và làm việc với công ty để yêu cầu hoàn trả số nợ vay nhưng công ty cố tình kéo dài nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần TV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải trả một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần TV tổng số nợ gốc và lãi tổng cộng là 597.252.657 đồng (Trong đó: Nợ gốc

208.850.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.332.585 đồng, nợ lãi quá hạn 262.350.551 đồng, phạt chậm trả 50.775.221 đồng; nợ thẻ 71.956.300 đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả hết số nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết;

Trường hợp công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) không trả được nợ thì bà Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký;

Bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành hòa giải được;

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chấp hành không đúng pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần TV theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/18/0063/HDHM ngày 18/10/2018, cụ thể theo các khế ước nhận nợ: lần: 01/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 01 ngày 18/10/2018 với số tiền vay 376.000.000 đồng; lần: 02/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 02 ngày 22/11/2018 với số tiền vay 125.350.000 đồng; theo ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với tổng hạn mức tín dụng thẻ của khách hàng là 30.000.000 đồng. Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Đỗ Thị Minh T theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL.01 ngày 18/10/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL ngày 18/10/2018;

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N), tính đến ngày 13/9/2022, bị đơn còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 597.252.657 đồng (Trong đó: Nợ gốc 208.850.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.332.585 đồng, nợ lãi quá hạn 262.350.551 đồng, phạt chậm trả 50.775.221 đồng; nợ thẻ 71.956.300 đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả nợ; do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả hết số nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở chấp nhận;

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết

số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TV; Bị đơn đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TV số tiền nợ tổng cộng là 597.252.657 đồng; đồng thời phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký;

Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần TV khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N); đồng thời là người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T vắng mặt không có lý do; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số SME/DAK/18/0063/HDHM ngày 18/10/2018; Khế ước nhận nợ lần 01/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 01 ngày 18/10/2018; Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 02 ngày 22/11/2018; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV và công ty cổ phần C Và N, nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL.01 ngày 18/10/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL ngày 18/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV và bà Đỗ Thị Minh T;

Căn cứ vào kết luận giám định số 158/KLGD – PC09 ngày 10 tháng 9 năm 2021 và kết luận giám định số 809/KL- KTHS ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk;

Có cơ sở xác định: Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần TV theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/18/0063/HDHM ngày 18/10/2018, cụ thể theo các khế ước nhận nợ: lần: 01/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 01 ngày 18/10/2018 với số tiền vay 376.000.000 đồng; lần: 02/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 02 ngày 22/11/2018 với số tiền vay 125.350.000 đồng; theo ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm với tổng hạn mức tín dụng thẻ của khách hàng là 30.000.000 đồng.

Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng tính đến ngày 13/9/2022 công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) vẫn chưa trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 597.252.657 đồng cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; do đó nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV khởi kiện yêu cầu bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải trả toàn bộ gốc và lãi còn lại và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả hết số nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận;

Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Đỗ Thị Minh T theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL.01 ngày 18/10/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL ngày 18/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV, nội dung: Các bên thỏa thuận phạm vi bảo lãnh... bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng... nên hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực pháp luật. Do đó trong trường hợp công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty cổ phần C Và N) không trả được nợ thì bà Đỗ Thị Minh T có nghĩa vụ trả nợ cho công ty theo sự thỏa thuận mà các bên đã ký kết là phù hợp theo hợp đồng bảo lãnh trên.

[3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV được chấp nhận nên bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải chịu toàn bộ 8.100.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết;

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV đã nộp 8.100.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết; do đó nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV được nhận lại tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết sau khi cơ quan thi hành án dân sự thu được của bị đơn Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N);

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải chịu án phí

kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 597.252.657 đồng = 20.000.000 đồng + 4% (597.252.657 đồng- 400.000.000 đồng) = 27.890.106 đồng, làm tròn 27.890.000 đồng;

Ngân hàng thương mại cổ phần TV không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại 7.028.000 (*Bảy triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần TV đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002357 ngày 05/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV;

Buộc bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TV số tiền nợ tổng là 597.252.657 đồng (*Năm trăm chín mươi bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng*); (Trong đó: Nợ gốc 208.850.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.332.585 đồng, nợ lãi quá hạn 262.350.551 đồng, phạt chậm trả 50.775.221 đồng; nợ thẻ 71.956.300 đồng; lãi suất tạm tính đến ngày 13/9/2022). Bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc. Lãi suất được tính theo quy định tại hợp đồng tín dụng số SME/DAK/18/0063/HDHM ngày 18/10/2018; Khế ước nhận nợ lần 01/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 01 ngày 18/10/2018; Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: SME/DAK/18/0063/HDHM- 02 ngày 22/11/2018; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV và Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N);

Trường hợp công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty công ty cổ phần C Và N) không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bà Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần TV theo

hợp đồng bảo lãnh số SME/DAK/18/0063/HDBL.01 ngày 18/10/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/DAK/18/0063/HDBL ngày 18/10/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV và bà Đỗ Thị Minh T;

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết:

Bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải chịu 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết;

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết sau khi cơ quan thi hành án dân sự thu được của bị đơn Công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N);

Về án phí:

Bị đơn công ty cổ phần C Và N (Nay là công ty trách nhiệm hữu hạn C Và N) phải chịu 27.890.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV được nhận lại 7.028.000 (*Bảy triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần TV đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002357 ngày 05/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương

